

Số: 2962/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 18 tháng 11 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:  
“Nâng công suất nhà máy sản xuất gang tay SẮC CẦU VỒNG A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ SẮC CẦU VỒNG A làm chủ đầu tư tại lô A3.6, đường số 8, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế sau khi lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia về việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất gang tay SẮC CẦU VỒNG A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm”;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất gang tay SẮC CẦU VỒNG A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1410/CV-SCVA ngày 14/10/2021 và Công văn số 0111/SCVA ngày 05/11/2021 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ SẮC CẦU VỒNG A;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 84/TTr-BQL ngày 16/11/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất gang tay SẮC CẦU VÒNG A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ SẮC CẦU VÒNG A (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm chủ đầu tư tại lô A3.6, đường số 8, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

**Điều 5.** Thông báo chấp thuận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 63/TB-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp ngày 24/7/2013 cho Dự án “Nhà máy sản xuất gang tay SẮC CẦU VÒNG” tại lô A3.6, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định này.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ SẮC CẦU VÒNG A và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND xã Thành Tâm;
- Công ty CP ĐT XD  
CSHT KCN Chơn Thành;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-84-QĐPD-18/11)</sub>.



*Khuynh Anh Minh*

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:**  
**“NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY SẢN XUẤT GĂNG TAY**  
**SẮC CẦU VÒNG A TỪ 8.090.000 SẢN PHẨM/NĂM LÊN 68.000.000**  
**SẢN PHẨM/NĂM” DO CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI**  
**DỊCH VỤ SẮC CẦU VÒNG A LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ A3.6,**  
**ĐƯỜNG SỐ 8, KCN CHƠN THÀNH 1, XÃ THÀNH TÂM,**  
**HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
*Kèm theo Quyết định số 2962.../QĐ-UBND ngày 18.../11/2021*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Tên Dự án:** Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay Sắc Cầu Vòng A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm.

**1.2. Địa điểm thực hiện:** Lô A3.6, đường số 8, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.3. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Sắc Cầu Vòng A.

Địa chỉ liên hệ: Lô A3.6, đường số 8, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:**

Dự án “Nâng công suất nhà máy sản xuất găng tay Sắc Cầu Vòng A từ 8.090.000 sản phẩm/năm lên 68.000.000 sản phẩm/năm” được thực hiện trên tổng diện tích 9.999,9 m<sup>2</sup> tại lô A3.6, đường số 8, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục công trình hiện hữu và công trình xây dựng mới, mở rộng, cải tạo như sau:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, nhà xưởng 4, nhà lò dầu tải nhiệt, nhà văn phòng.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, hệ thống quan trắc khí thải tự động...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

**1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:**

**1.5.1. Quy trình công nghệ sản xuất găng tay cao su:**

Chuẩn bị nguyên liệu: Mủ cao su latex → Trộn với phụ gia → Nhúng latex lần 1, lần 2.

Dây chuyền sản xuất: Khuôn → Làm sạch → Nhúng NaCl → Làm khô → Nhúng latex lần 1 → Làm khô → Nhúng NaCl → Làm khô → Nhúng latex lần 2 → Nhúng nước nóng → Se lai → Sấy → Nhúng nước nóng → Tẩm bột → Sấy → Tháo khuôn → Rửa → Sấy → Thành phẩm.

### 1.5.2. Quy trình công nghệ sản xuất găng tay cao su y tế:

Chuẩn bị nguyên liệu: Mủ cao su latex → Nghiền và trộn với phụ gia → Lưu hóa cao su → Tách chiết → Nhúng mủ lần 1, lần 2.

Dây chuyền sản xuất: Khuôn găng tay sứ → Nhúng hóa chất → Rửa nước → Sấy khuôn → Nhúng chất đông kết → Sấy đông kết → Nhúng mủ → Sấy tiền lưu hóa → Nhúng mủ → Sấy lần 2 → Lội nước → Sấy lưu hóa → Se viên → Làm nguội → (Đối với găng tay không bột clo: → Bể Clo hóa → Trung hòa → Lội nước; đối với găng tay không bột phủ polymer: → Phủ polymer → Sấy → Lội nước) → Sấy → Tuốt găng tay → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Chủ Dự án đã xây dựng một số nhà xưởng và các hạng mục công trình khác trên lô đất A3.6. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động trong giai đoạn nâng công suất, Chủ Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các nhà xưởng hiện hữu, xây dựng thêm nhà xưởng mới, bố trí lại không gian sản xuất, trang bị, lắp đặt thêm một số máy móc, thiết bị sản xuất; cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; lắp đặt thêm hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt...

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, từ hoạt động xây dựng; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại...

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

#### 2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, coliforms...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 2,5 m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ...

#### 2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 12 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã và vi sinh...

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh khoảng 128 m<sup>3</sup>/ngày bao gồm nước thải từ các bể rửa, nước rửa khuôn, nước thải từ công đoạn lội nước, nước thải từ công đoạn rửa thiết bị, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt... Nước thải sản xuất có pH thấp và chứa các chất ô nhiễm như: cặn lơ lửng, chất hữu cơ, kim loại nặng...

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

#### 2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng và từ hoạt động xây dựng: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi,  $\text{NO}_x$ , CO, VOC.

- Khí thải từ các hoạt động cơ khí: Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

#### 2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy: Thành phần khí thải gồm bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$ , CO.

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn sản xuất (phối trộn, lưu hóa, vệ sinh khuôn, nhúng khuôn, sấy, clo hóa...), khí thải lò dầu tải nhiệt... Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ , CO,  $\text{NH}_3$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ , HCl,  $\text{Cl}_2$ ...

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 105,72 tấn cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh 45 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp...

#### 2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh khoảng 390,8 tấn/năm gồm bao bì thải, tro xỉ từ lò dầu tải nhiệt, sản phẩm lỗi...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 135 kg/ngày gồm chất hữu cơ (rác thực phẩm), giấy, ni lông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại...

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.587,6 kg cho tổng quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bao bì đựng sơn, đầu mẫu que hàn, giấy nhám, bóng đèn huỳnh quang thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 14.775 kg/năm gồm bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; bao bì mềm thải (bao ni lông dính dầu nhớt, hóa chất thải); bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy, can chứa dầu nhớt, hóa chất thải); bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng can chứa dầu nhớt, hóa chất thải); giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án: Dự án tiếp tục sử dụng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được đầu tư, lắp đặt.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu hoạt động trong giai đoạn nâng công suất, Chủ Dự án tiến hành cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm lên 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt 02 triệu kcal/giờ; đầu tư mới 02 hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt 03 triệu kcal/giờ/hệ thống.

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu, xử lý qua bể tự hoại hiện hữu và đầu nối vào vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành 1.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Được thu gom vào hố lắng sơ bộ, cặn lắng xuống bể và nước thải được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Chơn Thành 1 để tiếp tục xử lý. Kết thúc quá trình xây dựng hố lắng được san ủi, hoàn trả mặt bằng.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường.

#### **3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:* Cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm lên 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (tăng kích thước bể điều hòa hiện hữu, các bể còn lại được xây mới) để xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sản xuất với quy trình xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại), nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông kết hợp lắng → Bể anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành 1.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Chơn Thành 1 (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành 1.

### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

#### **3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Che chắn khu vực xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### 3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của lò dầu tải nhiệt công suất 02 triệu kcal/giờ:* Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, thay đổi chất hấp thụ từ nước sang dung dịch NaOH để nâng cao hiệu quả xử lý. Quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải → Cyclone lắng bụi → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thải (chiều cao 17 m, đường kính 0,5 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của lò dầu tải nhiệt 03 triệu kcal/giờ:* Lắp đặt mới 02 hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt với quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải → Cyclone lắng bụi → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thải (chiều cao 17 m, đường kính 0,6 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi và hơi hóa chất từ quá trình sản xuất:* Nhà xưởng xây dựng thông thoáng, thông gió bằng quạt hút và quạt đẩy; đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, tự động và khép kín; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất; sử dụng chế phẩm giảm mùi trong nhà xưởng sản xuất; trang bị trang bị bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số  $k_p$  phù hợp,  $k_v=1$ ) và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

## 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

### 3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn sản xuất hiện hữu với diện tích 25 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, sau đó tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt hiện hữu và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt hiện hữu. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 25 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

## **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

### **3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích 25 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế



liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích 25 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

**3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:** Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

**3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:** Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (01 bể, tổng thể tích 160 m<sup>3</sup>).
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 02 triệu kcal/giờ (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 10.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 03 triệu kcal/giờ (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống).
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng: 01 kho, diện tích: 25 m<sup>2</sup>).
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (số lượng: 01 kho, diện tích: 25 m<sup>2</sup>).
- Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đối với 03 lò dầu tải nhiệt (số lượng: 03 hệ thống).
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

#### **5.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

##### **5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xây dựng.

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt thời gian thi công xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

### **5.1.2. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Chơn Thành 1.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ, tổng photpho, amoni, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Chơn Thành 1 (cột B, QCVN 40:2011 BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

### **5.1.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

## **5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:**

### **5.2.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Chơn Thành 1 và từng công đoạn theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.



- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ, tổng photpho, amoni, Zn, clorua, coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Chơn Thành 1 (cột B, QCVN 40:2011 BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

### 5.2.2. Giám sát khí thải:

\* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí tại 03 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp, k<sub>v</sub>=1).

\* *Giám sát, quan trắc tự động đối với hệ thống xử lý khí thải:*

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí tại 03 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O<sub>2</sub> dư, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Tần suất quan trắc:* Tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp, k<sub>v</sub>=1).

### 5.2.3. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực cân, pha trộn hóa chất; 01 vị trí tại khu vực phối trộn; 01 vị trí tại khu vực nhúng khuôn; 01 vị trí tại khu vực clo hóa; 01 vị trí tại khu vực sấy.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, độ ồn, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, HCl, Cl<sub>2</sub>.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá

trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

#### **5.2.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

### **5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:**

#### **5.3.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Chơn Thành 1.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ, tổng photpho, amoni, Zn, clorua, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Chơn Thành 1 (cột B QCVN 40:2011 BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

#### **5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:**

\* *Giám sát định kỳ:*

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí tại 03 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp, k<sub>v</sub>=1).

\* *Giám sát, quan trắc tự động đối với hệ thống xử lý khí thải:*

- *Vị trí giám sát*: 03 vị trí tại 03 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tái nhiệt.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O<sub>2</sub> dư, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Tần suất quan trắc*: Tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k<sub>p</sub> phù hợp, k<sub>v</sub>=1).

### **5.3.3. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực cân, pha trộn hóa chất; 01 vị trí tại khu vực phối trộn; 01 vị trí tại khu vực nhúng khuôn; 01 vị trí tại khu vực clo hóa; 01 vị trí tại khu vực sấy.

- *Thông số giám sát*: Vi khí hậu, độ ồn, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, HCl, Cl<sub>2</sub>.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

### **5.3.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên. Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và

quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và theo quy định hiện hành.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**6.1.** Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

**6.2.** Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**6.3.** Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

**6.4.** Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**6.5.** Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

**6.6.** Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

**6.7.** Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**6.8.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

**6.9.** Đối với 03 lò dầu tải nhiệt (tổng công suất 08 triệu kcal/giờ): Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước theo đúng quy định.

**6.10.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.